TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 58/2018/QĐST-DS	*Hàm Thuận Bắc, ngày 16 tháng 10 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 93/2018/TLST – DS ngày 11 tháng 7 năm 2018, về việc *"Tranh chấp về hợp đồng đặt cọc; Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Ông Nguyễn Ngọc T – sinh năm 1962;

2/ Bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn : 1/ Bà Trương Thị Kim L – sinh năm 1971

2/ Ông Đặng Thanh B – sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu ông Đặng Thanh B, bà Trương Thị Kim L phải trả cho ông T, bà N số tiền tổng cộng là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Ông Đặng Thanh B, bà Trương Thị Kim L tự nguyện đồng ý thỏa thuận theo yêu cầu của ông T, bà N. Ông Đặng Thanh B, bà Trương Thị Kim L cùng tự

nguyện chịu trách nhiệm trả cho ông T, bà N số tiền là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của.

Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Ngọc T, ông Đặng Thanh B, bà Trương Thị Kim L thỏa thuận hủy: Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 07/5/2016 giữa ông T, bà N, ông B, bà L.

Về án phí: Ông Đặng Thanh B, bà Trương Thị Kim L tự nguyện thỏa thuận chịu 150.000đ án phí phần hủy hợp đồng đặt cọc và 21.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 21.150.000đ (Hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị N số tiền 29.830.000đ do ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị N đã nộp 29.830.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022910 ngày 11/7/2018 của chi cục thi hành án huyện Hàm Thuận Bắc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bạch Tuyết